



1. 初級日本語クラスって？

プロの日本語教師が教える、日本語の初級クラスです。初級1、2、3は会話のクラスです。

2. 開催日 ☆の日に、クラスがあります。週に3回あります。※あいうえおレベルは2/21(月)からです。

2022 **2** February

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 **3** March

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

ひる
【昼】

クラス	レベル	形態	授業時間	
A	初級1	対面	10:00~12:00	(2時間×22回)
B	初級2	対面	12:30~14:30	(2時間×22回)
C	初級3	対面	15:00~17:00	(2時間×22回)
D	あいうえお	対面	10:00~12:00	(2時間×15回)
E	初級1	オンライン	10:00~12:00	(2時間×22回)
F	初級2	オンライン	12:30~14:30	(2時間×22回)
G	初級3	オンライン	15:00~17:00	(2時間×22回)

よる
【夜】

I	初級2	対面	18:30~20:30	(2時間×22回)
R	初級3	対面	18:30~20:30	(2時間×22回)
K	初級1	オンライン	18:30~20:30	(2時間×22回)
L	初級2	オンライン	18:30~20:30	(2時間×22回)
M	初級3	オンライン	18:30~20:30	(2時間×22回)

3. レベルについて

レベル	こんな日本語レベルの方が対象です。
あいうえお	ひらがな、かたかなが読めない。初級1に入る前の準備のためのクラス。
初級1	日本語がほとんど話せない。
初級2	もし相手がゆっくり、はっきりと話して、助けてくれるなら、簡単なやり取りができる。
初級3	自分の背景や身の回りのことについて簡単な言葉で説明できる。

4. 対象 15歳以上の日本語学習希望者

5. 定員 オンラインクラスのみ定員あり(7名程度)

6. 場所

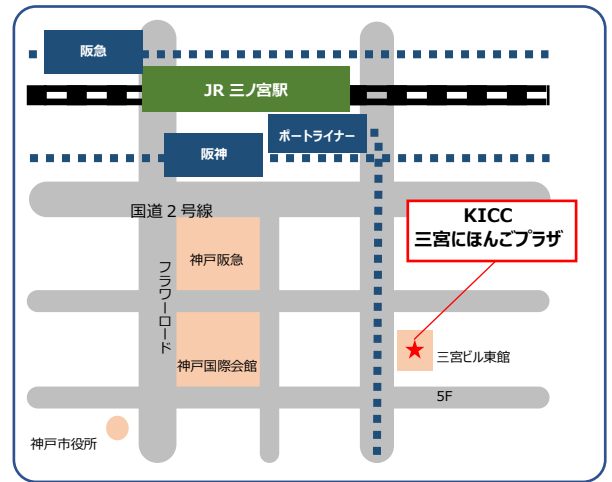
【対面クラス】

KICC三宮にほんごプラザ

神戸市中央区御幸通6丁目1番12号三宮ビル東館5階

【オンラインクラス】

Zoom ミーティングを使用



7. 受講料・教科書代

無料

(教科書は『まるごと』を使います。)

【A/E/K クラス】



【B/F/L/I クラス】



【C/G/M/R クラス】



8. 申込方法・締切

締切: 1月27日(木)

Eメールで①~⑩を送ってください。(Email: nihongo@kicc.jp)

締切日以降の申込については、担当者にお問い合わせください。

① 学習希望クラス(このチラシの表面、A~R のどれか 1 つ)

② お名前

③ 学習者番号(学習者番号がある人だけ、書いてください)

④ 国籍

⑤ ご住所(マンションの人は部屋番号も書いてください)

⑥ 電話番号

⑦ Eメールアドレス

⑧ 使用可能言語

(クラスについての説明書類をどの言語でほしいですか)

(右の a~m のどれか 1 つ)

⑨ データ契約量(無制限、50GB/M etc.)

⑩ 端末の種類(携帯、PC、タブレット etc.)

⑧

a 英語

b 中国語

c 韓国語

d インドネシア語

e タイ語

f ベトナム語

g スペイン語

h ネパール語

k フィリピン語

l ポルトガル語

m その他

※オンライン学習は、大量のデータを使います。Zoom は、2時間で 1.2GB を使います。

少ないデータ通信量で契約をしている場合、追加料金が発生します。



Sannomiya
Nihongo Plaza

Conversational Japanese Classes For Beginners in February



1. What are these classes like?

You can learn beginner level Japanese from certified teachers.

Beginner class 1, 2, and 3 are intended to help you develop basic conversational skills.

2. Class Dates

Classes take place three days a week (on the days marked with “☆”).

Note: “A-I-U-E-O” (Introduction class) starts on Monday, February 21.

2022 **2** February

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 **3** March

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【Daytime】

Class code	Level	Class style	Class time	
A	Beginner 1	Face-to-face	10:00~12:00	(2 hours ×22 classes)
B	Beginner 2	Face-to-face	12:30~14:30	(2 hours ×22 classes)
C	Beginner 3	Face-to-face	15:00~17:00	(2 hours ×22 classes)
D	“A-I-U-E-O” (Introduction)	Face-to-face	10:00~12:00	(2 hours ×15 classes)
E	Beginner 1	Online	10:00~12:00	(2 hours ×22 classes)
F	Beginner 2	Online	12:30~14:30	(2 hours ×22 classes)
G	Beginner 3	Online	15:00~17:00	(2 hours ×22 classes)

【Nighttime】

I	Beginner 2	Face-to-face	18:30~20:30	(2 hours ×22 classes)
R	Beginner 3	Face-to-face	18:30~20:30	(2 hours ×22 classes)
K	Beginner 1	Online	18:30~20:30	(2 hours ×22 classes)
L	Beginner 2	Online	18:30~20:30	(2 hours ×22 classes)
M	Beginner 3	Online	18:30~20:30	(2 hours ×22 classes)

3. Course Level

Level	What you can /can't do
“A-I-U-E-O” (Introduction)	You can't read Hiragana and Katakana. Preparation class for “Beginner 1”.
Beginner 1	You speak very little Japanese.
Beginner 2	You can make simple conversation when spoken to slowly and clearly.
Beginner 3	You can explain about yourself using easy Japanese.

4. Who can apply?

Anybody who wishes to learn Japanese, age 15 & up

5. Class Size

Online classes have capacity (Approximately 7 students)

6. Place

[Face-to-face classes]

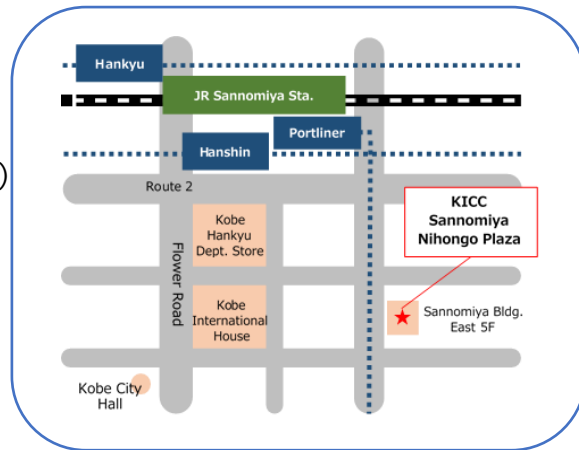
KICC Sannomiya Nihongo Plaza

Sannomiya Building East 5F,

6-1-12, Goko-dori, Chuo-ku, Kobe

[Online classes]

Using Zoom app



7. Class Fee (Including textbook)

Free of charge

Textbook: "Marugoto" (まるごと)

[A/E/K Class]



[B/F/L/I Class]



[C/G/M/R Class]



8. How to apply / Deadline

Deadline: Thursday, January 27

Please write the application information ① through ⑩ and submit to the KICC via email.

(Email: nihongo@kicc.jp)

After the deadline, check with the person in charge.

① Class code

(Choose one class from A to R listed on the first page)

② Name

③ Student number

(Only if you have one)

④ Nationality

⑤ Address (Including room number)

⑥ Phone number

⑦ Email address

⑧ Language

(We will prepare handouts written in the language of your choice. Choose one from "a" to "m" from the right box.)

⑨ Data plan

(e.g. unlimited, 50 GB/month)

⑩ Device you will use

(e.g. mobile phone, PC, tablet)

⑧

- a: English
- b: Chinese
- c: Korean
- d: Indonesian
- e: Thai
- f: Vietnamese
- g: Spanish
- h: Nepali
- k: Filipino
- l: Portuguese
- m: Other



*Online classes require a lot of data. For instance, Zoom will use approximately 1.2 GB over 2 hours. If you have a limited amount of data, you may incur additional fees.



1. 初级日语班简介

由具有日语教师资格的老师进行授课的初级日语班。初级 1、2、3 班是会话班。

2. 课程表 在标有☆的日期上课。每周 3 次课。※“あいうえお”班从 2/21（星期一）开始。

2022 2 February						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 3 March						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【白天班】

班级	水平	上课方式	时间	
A	初级 1	线下	10:00~12:00	(2 小时×22 节课)
B	初级 2	线下	12:30~14:30	(2 小时×22 节课)
C	初级 3	线下	15:00~17:00	(2 小时×22 节课)
D	あいうえお	线下	10:00~12:00	(2 小时×15 节课)
E	初级 1	网课	10:00~12:00	(2 小时×22 节课)
F	初级 2	网课	12:30~14:30	(2 小时×22 节课)
G	初级 3	网课	15:00~17:00	(2 小时×22 节课)

【晚上班】

I	初级 2	线下	18:30~20:30	(2 小时×22 节课)
R	初级 3	线下	18:30~20:30	(2 小时×22 节课)
K	初级 1	网课	18:30~20:30	(2 小时×22 节课)
L	初级 2	网课	18:30~20:30	(2 小时×22 节课)
M	初级 3	网课	18:30~20:30	(2 小时×22 节课)

3. 日语水平

水平	报名时的日语水平
あいうえお	不能读写平假名、片假名。初级 1 的学前班。
初级 1	几乎不会说日语。
初级 2	如果对方语速缓慢，发音清晰并能在会话中给与一定的帮助的话，可以进行简单交流。
初级 3	能够用简单的语言对自身或周围的事情进行说明。

4. 报名条件 年龄在 15 岁以上，想学习日语的人。

5. 人数限制 只有网课班限制人数（7 人）

6. 上课地点

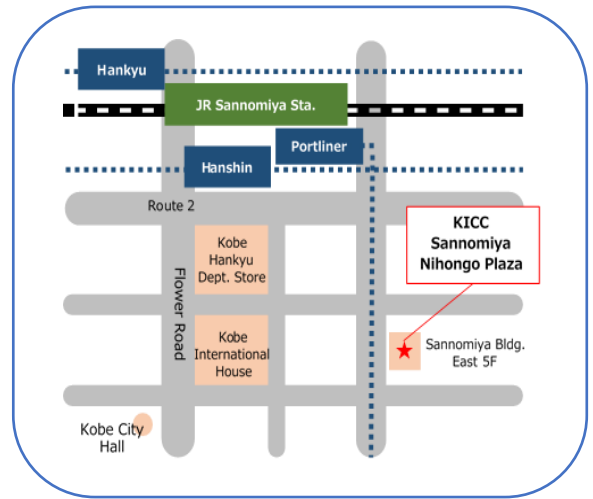
【线下班】

KICC（三宫日语广场） Sannomiya Nihongo Plaza

神戸市中央区御幸通 6 丁目 1 番 12 号三宫大厦东馆 5 楼

【网课】

使用 Zoom 教学



7. 学费/教材费

免费

（使用教材《まるごと》）

【A/E/K 班】



【B/F/L/I 班】



【C/G/M/R 班】



8. 申请方法/截止日期

截止日期：1 月 27 日（星期四）

把下表①~⑩相关信息发送到邮箱。（邮箱地址：nihongo@kicc.jp）

截止日期之后申请时，请直接向工作人员咨询。

① 报名班级

（这张宣传单表面的 A~R 中的其中一个）

② 姓名

③ 学号

（有学号的学生请写下学号）

④ 国籍

⑤ 住址

（公寓请写上房号）

⑥ 电话号码

⑦ 电子邮箱地址

⑧ 您懂哪种语言

（您想要哪种语言的班级说明资料）

（右列 a~m 中的一种）

⑨ 上网课终端每月可用流量

（例：Unlimited、50GB/M 等）

⑩ 终端类型

（例：手机、电脑、平板电脑等）

⑧

- a 英语
- b 中文
- c 韩语
- d 印度尼西亚语
- e 泰语
- f 越南语
- g 西班牙语
- h 尼泊尔语
- k 菲律宾语
- l 葡萄牙语
- m 其他语种

※上网课需要消耗很多流量，在 ZOOM 上课 2 小时将消耗 1.2GB 的流量。

如果您每个月签约的流量少的话，那么将会产生追加费用。





1. 초급 일본어 클래스란?

프로 일본어 교사가 가르치는, 일본어 초급 클래스입니다. 초급 1, 2, 3 은 회화 클래스입니다.

2. 수업일

☆표가 있는 날은 수업이 있습니다. 주 3 회 실시합니다. ※아이우에오 레벨은 2/21(월)부터입니다.

2022 2 February						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 3 March						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【주간】

클래스	레벨	형태	수업시간	
A	초급 1	대면	10:00 ~ 12:00	(2 시간×22 회)
B	초급 2	대면	12:30 ~ 14:30	(2 시간×22 회)
C	초급 3	대면	15:00 ~ 17:00	(2 시간×22 회)
D	아이우에오	대면	10:00 ~ 12:00	(2 시간×15 회)
E	초급 1	온라인	10:00 ~ 12:00	(2 시간×22 회)
F	초급 2	온라인	12:30 ~ 14:30	(2 시간×22 회)
G	초급 3	온라인	15:00 ~ 17:00	(2 시간×22 회)

【야간】

I	초급 2	대면	18:30 ~ 20:30	(2 시간×22 회)
R	초급 3	대면	18:30 ~ 20:30	(2 시간×22 회)
K	초급 1	온라인	18:30 ~ 20:30	(2 시간×22 회)
L	초급 2	온라인	18:30 ~ 20:30	(2 시간×22 회)
M	초급 3	온라인	18:30 ~ 20:30	(2 시간×22 회)

3. 레벨에 관하여

레벨	이런 일본어 레벨인 분이 대상입니다.
아이우에오	히라가나, 가타가나를 읽지 못 한다. 초급 1 에 들어가기 전 준비하기 위한 클래스.
초급 1	일본어를 거의 말할 수 없다.
초급 2	만약 상대가 천천히 확실히 말하며 도와준다면 간단한 대화를 할 수 있다.
초급 3	자신의 배경이나 주변에 관하여 간단한 단어로 설명할 수 있다.

4. 대상

15 세 이상의 일본어 학습 희망자

5. 정원 온라인 클래스에만 정원있음(7 명 정도)

6. 장소

【대면 클래스】

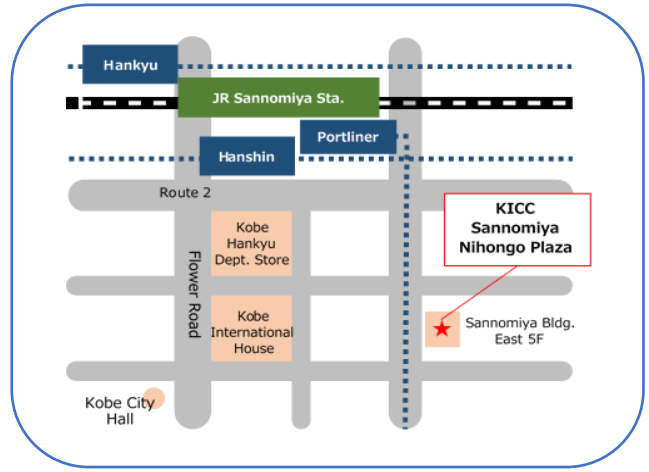
KICC Sannomiya Nihongo Plaza

고베시 주오구 고코도리 6 초메 1-12

산노미야빌딩 동관 5 층

【온라인 클래스】

Zoom 미팅을 사용



7. 수강료 · 교과서 대금

무료

(교과서는 『마루고토(まるごと)』를
사용합니다.)

【A/E/K 클래스】

【B/F/L/I 클래스】

【C/G/M/R 클래스】



8. 신청방법 · 기한

마감: 1 월 27 일 (목)

E 메일로 ①~⑩을 작성하여 보내 주십시오. (Email: nihongo@kicc.jp)

신청마감일 이후 신청하실 분은 담당자에게 문의해 주십시오.

- ① 학습 희망 클래스
(이 안내문 앞면 A~R 중 하나)
- ② 성명
- ③ 학습자 번호
(학습자 번호가 있는 분만 써 주십시오)
- ④ 국적
- ⑤ 주소
(맨션인 분은 호실 번호도 써 주십시오)
- ⑥ 전화번호
- ⑦ 이메일 주소
- ⑧ 사용 가능 언어
(클래스에 관한 설명 서류를 어떤 언어로 원합니다)
(오른쪽 a~m 중 하나)
- ⑨ 데이터 계약량(무제한, 50GB/M etc.)
- ⑩ 단말기 종류(휴대폰, PC, 태블릿 etc.)

- ⑧
 - a 영어
 - b 중국어
 - c 한국어
 - d 인도네시아어
 - e 태국어
 - f 베트남어
 - g 스페인어
 - h 네팔어
 - k 필리핀어
 - l 포르투갈어
 - m 그 외

※온라인 학습은 대량의 데이터를 사용합니다. Zoom 은 2 시간에 1.2GB 를 사용합니다.
적은 데이터 통신량으로 계약한 경우 추가요금이 발생합니다.





1. Lớp tiếng Nhật sơ cấp là gì?

Là lớp tiếng Nhật trình độ sơ cấp do các giáo viên tiếng Nhật có chứng chỉ sư phạm giảng dạy. Hiện có các lớp hội thoại sơ cấp 1, 2, 3.

2. Ngày học

Lớp học sẽ được tổ chức vào những ngày có dấu☆, học 3 buổi 1 tuần

※Lớp vỡ lòng học từ bảng chữ cái sẽ bắt đầu từ ngày 21 tháng 2 (T2).

2022 February						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 March						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【Ban ngày】

Lớp	Trình độ	Hình thức học	Thời gian học	
A	Sơ cấp 1	Tại lớp	10:00~12:00	(2 tiếng × 22 buổi)
B	Sơ cấp 2	Tại lớp	12:30~14:30	(2 tiếng × 22 buổi)
C	Sơ cấp 3	Tại lớp	15:00~17:00	(2 tiếng × 22 buổi)
D	Lớp vỡ lòng	Tại lớp	10:00~12:00	(2 tiếng × 15 buổi)
E	Sơ cấp 1	Qua mạng	10:00~12:00	(2 tiếng × 22 buổi)
F	Sơ cấp 2	Qua mạng	12:30~14:30	(2 tiếng × 22 buổi)
G	Sơ cấp 3	Qua mạng	15:00~17:00	(2 tiếng × 22 buổi)

【Ban tối】

I	Sơ cấp 2	Tại lớp	18:30~20:30	(2 tiếng × 22 buổi)
R	Sơ cấp 3	Tại lớp	18:30~20:30	(2 tiếng × 22 buổi)
K	Sơ cấp 1	Qua mạng	18:30~20:30	(2 tiếng × 22 buổi)
L	Sơ cấp 2	Qua mạng	18:30~20:30	(2 tiếng × 22 buổi)
M	Sơ cấp 3	Qua mạng	18:30~20:30	(2 tiếng × 22 buổi)

3. Về trình độ

Trình độ	Tùy vào trình độ tiếng Nhật mà học viên nên chọn lớp như sau
Vỡ lòng	Không đọc được chữ cái Hiragana và Katakana. Là lớp chuẩn bị cho lớp sơ cấp 1.
Sơ cấp 1	Hầu như không nói được tiếng Nhật
Sơ cấp 2	Có thể giao tiếp đơn giản nếu đối phương nói chậm, rõ và giúp đỡ để nói chuyện.
Sơ cấp 3	Có thể giải thích hoàn cảnh và những điều xung quanh bản thân bằng các từ đơn giản.

4. Đối tượng có thể đăng ký học

Người muốn học tiếng Nhật từ 15 tuổi trở lên

5. Số lượng học viên

Chỉ giới hạn với lớp học qua mạng (khoảng 7 người một lớp)

6. Địa điểm

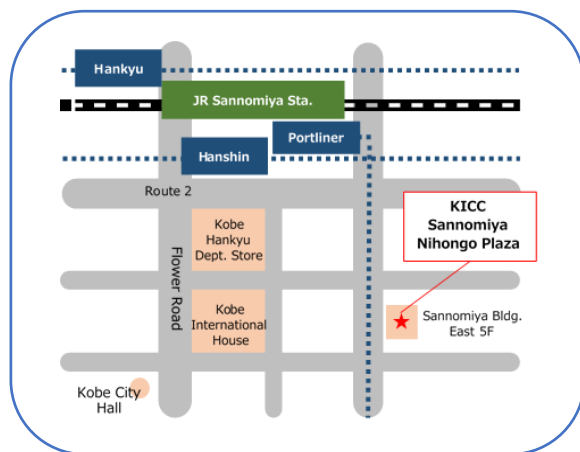
【Học trực tiếp tại lớp】

KICC Sannomiya Nihongo Plaza

Tầng 5 tòa nhà Higashikan Sannomiya 6-1-12 Goko-dori,
quận Chuo, thành phố Kobe

【Học qua mạng】

Sử dụng phần mềm Zoom meeting



7. Học phí·Tiền sách giáo khoa

Miễn phí

(Sách giáo khoa là cuốn 『Marugoto』)

【Lớp A/E/K】



【Lớp B/F/L/I】



【Lớp C/G/M/R】



8. Cách đăng ký·Hạn đăng ký

Hạn đăng ký: Ngày 27 tháng 1 (T5)

Xin vui lòng gửi mail cho chúng tôi với các nội dung từ 1-10 như sau: (Email: nihongo@kicc.jp)

Trường hợp đăng ký sau khi quá hạn đăng ký, xin vui lòng liên hệ với người phụ trách

① Lớp muốn học

(Chọn 1 lớp từ A~R như ở mặt sau của giấy này)

② Họ và tên

③ Mã số học viên

(Đối với người có mã số học viên)

④ Quốc tịch

⑤ Địa chỉ

(Xin vui lòng viết rõ số nhà nếu ở nhà chung cư)

⑥ Số điện thoại

⑦ Địa chỉ email

⑧ Ngôn ngữ có thể hiểu

(Bạn muốn nhận tài liệu giải thích thêm về lớp học bằng tiếng gì)

(Chọn 1 trong cột bên phải từ a~m)

⑨ Dung lượng gói mạng (Không giới hạn, 500 GB mỗi tháng, vv...)

⑩ Loại thiết bị có thể sử dụng (Điện thoại di động, máy tính, máy tính bảng, vv....)

⑧

- a Tiếng Anh
- b Tiếng Trung
- c Tiếng Hàn
- d Tiếng Indonesia
- e Tiếng Thái
- f Tiếng Việt
- g tiếng Tây Ban Nha
- h Tiếng Nepal
- k Tiếng Phillipin
- l Tiếng Bồ Đào Nha
- m Khác



※Lớp học qua mạng sẽ tốn rất nhiều dung lượng. Nếu học bằng Zoom trong 2 tiếng sẽ mất 1.2GB. Nếu dung lượng gói mạng không nhiều có học viên sẽ mất thêm tiền quá dung lượng.



1. O que é o Curso de Japonês para Iniciantes?

É um curso para iniciantes em japonês ministrado por um(a) professor(a) profissional de língua japonesa.
O Curso para Iniciantes níveis 1, 2 e 3 é um curso com as aulas de conversação.

2. Dias de aula

Os dias assinalados com ☆ há aulas, 3 vezes por semana.

Obs.: nível あいうえお (AIUEO) inicia-se no dia 21 de Fevereiro (segunda-feira).

2022 2 February						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 3 March						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【Diurno】

Turma	Nível	Formato	Horário de aula	
A	Iniciante 1	Presencial	10:00 - 12:00	(2 horas × 22 vezes)
B	Iniciante 2	Presencial	12:30 - 14:30	(2 horas × 22 vezes)
C	Iniciante 3	Presencial	15:00 - 17:00	(2 horas × 22 vezes)
D	“A, I, U, E, O”	Presencial	10:00 - 12:00	(2 horas × 15 vezes)
E	Iniciante 1	On-line	10:00 - 12:00	(2 horas × 22 vezes)
F	Iniciante 2	On-line	12:30 - 14:30	(2 horas × 22 vezes)
G	Iniciante 3	On-line	15:00 - 17:00	(2 horas × 22 vezes)

【Noturno】

I	Iniciante 2	Presencial	18:30 - 20:30	(2 horas × 22 vezes)
R	Iniciante 3	Presencial	18:30 - 20:30	(2 horas × 22 vezes)
K	Iniciante 1	On-line	18:30 - 20:30	(2 horas × 22 vezes)
L	Iniciante 2	On-line	18:30 - 20:30	(2 horas × 22 vezes)
M	Iniciante 3	On-line	18:30 - 20:30	(2 horas × 22 vezes)

3. Sobre os níveis de conhecimento da língua japonesa

Nível	Para aqueles que atingiram os seguintes níveis de conhecimento
“A, I, U, E, O”	Não consegue ler Hiragana e nem Katakana. São aulas de preparação antes de entrar no nível Iniciante 1.
Iniciante 1	Mal consegue falar japonês.
Iniciante 2	Se a outra pessoa falar devagar e claramente, e ajudar na comunicação, consegue ter uma conversação simples.
Iniciante 3	Consegue explicar, usando palavras simples, sobre seu histórico e ambiente que o(a) circunda.

4. Público alvo

São aqueles que desejam aprender japonês e que tenham mais de 15 anos de idade.

5. Somente para o Curso ONLINE haverá limite de alunos (até 7)

6. Local

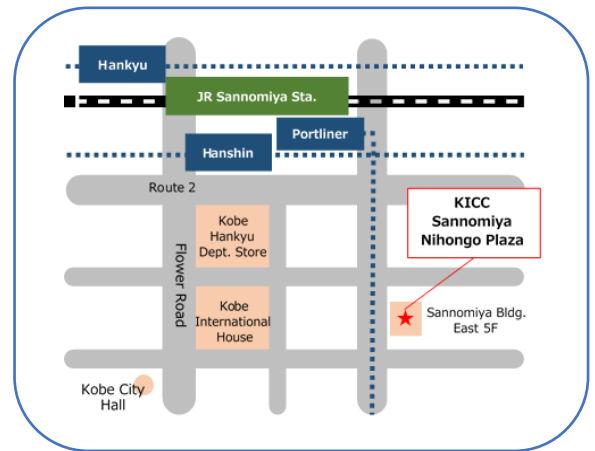
【Aulas presenciais】

KICC Sannomiya Nihongo Plaza

Endereço: 6-1-12 Gokōdōri, Chūō-ku, Kōbe-shi,
5º andar do Edifício Leste (Higashikan) do Edifício Sannomiya
(Sannomiya Biru),

【Aulas On-line】

Uso da plataforma Zoom Meeting



7. Taxa de inscrição / Taxa de material didático

Gratuita

(Será usado o livro didático “MARUGOTO”)

【Turmas A / E / K】

【Turmas B / F / L / I】

【Turmas C / G / M / R】



8. Inscrição / Prazo de encerramento

Prazo limite: até dia 27 de janeiro (quinta-feira)

Envie os pré-requisitos ①～⑩ por email. (Email: nihongo@kicc.jp).

Os requerimentos pós limite devem ser consultados com os encarregados.

① Turma desejada

(Escolher uma das turmas, de A a R, citadas neste folheto)

② Nome

③ Número do aluno

(Escreva apenas quem tem o número de aluno, por favor)

④ Nacionalidade

⑤ Endereço residencial

(Escreva também o número do seu apartamento, caso esteja morando em um edifício habitacional coletivo)

⑥ Número de telefone

⑦ E-mail

⑧ Idiomas disponíveis

(Em qual idioma gostaria de receber as instruções sobre as aulas?)

(Escolher um dos idiomas citados no quadro direito)

⑨ Capacidade disponível do uso de dados do seu contrato (Uso ilimitado, 50GB/M, etc.)

⑩ Tipo de aparelhos (Celular, PC, Tablete, etc.)

⑧

- a. Inglês
- b. Chinês
- c. Coreano
- d. Indonésio
- e. Tailandês
- f. Vietnamita
- g. Espanhol
- h. Nepalês
- k. Filipino
- l. Português
- m. Outros



*Observação: aulas On-line requer uma grande quantidade de dados. Precisa de 1.2GB por 2 horas, usando video conferência

Zoom. Caso esteja firmado o seu contrato para pequena capacidade de uso dos dados de comunicação, haverá custo adicional com a parte excedente necessária.

Sannomiya
Nihongo PlazaNihongo Para sa Unang Baitang
Klase sa Pebrero

1. Ano ang Klase sa Nihongo para sa Unang Baitang?

Ito ay isang klase sa Nihongo para sa unang baitang, may ika-1, ika-2 at ika-3, at ang tagapag-turo ay mga propesyonal na guro.

2. Araw ng pagsisimula

Ang mga araw na may ☆, ay may klase. 3 beses sa loob ng isang linggo.

※Ang “a i u e o” lebel ay magsisimula sa Pebrero 21 (Lunes).

2022 **2** February

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 **3** March

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【Sa Araw】

Klase	Lebel	Porma	Oras ng Klase	
A	Unang Baitang-1	Harapan	10:00~12:00	(22 beses na tig-2 oras)
B	Unang Baitang-2	Harapan	12:30~14:30	(22 beses na tig-2 oras)
C	Unang Baitang-3	Harapan	15:00~17:00	(22 beses na tig-2 oras)
D	a i u e o	Harapan	10:00~12:00	(15 beses na tig-2 oras)
E	Unang Baitang-1	Online	10:00~12:00	(22 beses na tig-2 oras)
F	Unang Baitang-2	Online	12:30~14:30	(22 beses na tig-2 oras)
G	Unang Baitang-3	Online	15:00~17:00	(22 beses na tig-2 oras)

【Sa Gabi】

I	Unang Baitang-2	Harapan	18:30~20:30	(22 beses na tig-2 oras)
R	Unang Baitang-3	Harapan	18:30~20:30	(22 beses na tig-2 oras)
K	Unang Baitang-1	Online	18:30~20:30	(22 beses na tig-2 oras)
L	Unang Baitang-2	Online	18:30~20:30	(22 beses na tig-2 oras)
M	Unang Baitang-3	Online	18:30~20:30	(22 beses na tig-2 oras)

3. 【Tungkol sa Lebel】

Lebel	Sumasakop sa mga sumusunod ang lebel ng Nihongo
a i u e o	Hindi nakakabasa ng Hiragana at katakana. Paghahanda bago pumasok sa Klase para sa Unang Baitang
Unang Baitang-1	Halos hindi pa nakakapagsalita ng Nihongo.
Unang Baitang-2	Kung ang kausap ay mabagal, malinaw at tumutulong na maunawaan, ay kayang makipag-komunikasyon.
Unang Baitang-3	Kayang ipaliwanag ang mga bagay sa paligid gamit ang mga simpleng salita.

4. Ang mga maaaring mag-aral

Mga nagnanais matuto ng Nihongo na nasa edad na 15 taong gulang at pataas.

5. Kapasidad

May kapasidad na bilang ng mag-aaral sa pamamagitan ng online (mga 7 katao)

6. Lugar

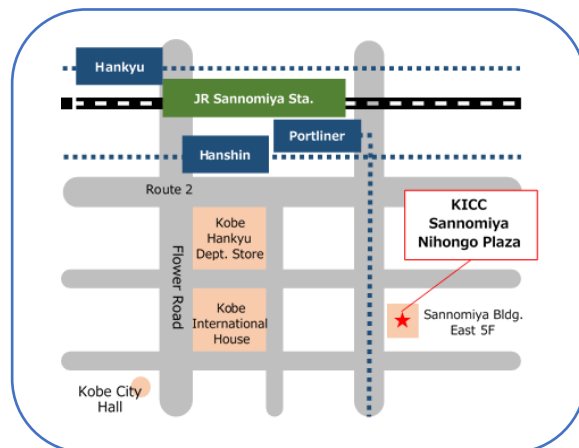
【Klase na Harapan】

KICC Sannomiya Nihongo Plaza

Kobe-shi, Chuo-ku, Goko-dori 6-chome-1-1 Sannomiya Bldg East 5F

【Online Class】

Gagamitin ang Zoom meeting



7. Gastos sa pag-aaral at textbooks

Walang bayad

(Gagamitin ang textbook na 『まるごと』 (Marugoto).)

【Klase A/E/K】



【Klase B/F/L/I】



【Klase C/G/M/R】



8. Paraan ng aplikasyon at kung hanggang kailan

Katapusan ng aplikasyon: Enero 27 (Huwebes)

Ipadala sa pamamagitan ng E-mail ang sagot sa ①~⑩. (Email: nihongo@kicc.jp)

Makipag-ugnayan sa nakatalaga tungkol sa mga bagay pagkatapos ng araw ng aplikasyon.

- ① Klase na ninanais pasukan
(Pumili ng isa mula sa A~R)
- ② Pangalan
- ③ Numero ng Estudyante
(Para sa mga may telepono)
- ④ Nasyonalidad
- ⑤ Tirahan
(Ilagay ang numero ng room kung sa mansion nakatira)
- ⑥ Numero ng telepono
- ⑦ E-mail address
- ⑧ Gamit na wika
(Nais mo ba ng papel ng pagpapaliwanag para sa Klase na nakasalin sa ibang wika?)
(Pumili sa a~m na nasa kanan)
- ⑨ Data ng internet na gamit
(Hal: walang limit, 50GB/M etc.)
- ⑩ Device na ginagamit
(Cellphone, PC, tablet, etc.)

- ⑧
 - a Ingles
 - b Intsik
 - c Korean
 - d Indonesia
 - e Thailand
 - f Vietnam
 - g Espanyol
 - h Nepali
 - k Pilipino
 - l Portugese
 - m Iba pa



※Ang pag-aaral sa online ay gagamit ng malaking data. Ang ZOOM ay gagamit ng 1.2GB sa 2 oras.

Madadagdagan ang buwanang binabayaran kung maliit na data lamang ang nasa kontrata.

Sannomiya
Nihongo Plaza

หลักสูตรภาษาญี่ปุ่นเบื้องต้นในเดือนกุมภาพันธ์



1. เกี่ยวกับคลาสสอนภาษาญี่ปุ่น

สอนโดยอาจารย์สอนภาษาญี่ปุ่นมืออาชีพ เป็นคลาสภาษาญี่ปุ่นเบื้องต้น คลาสสนทนาภาษาญี่ปุ่นเบื้องต้น 1, 2, 3

2. ตารางวันเปิดสอน

วันที่มีสัญลักษณ์☆จะเป็นวันที่มีคลาส จะมีคลาสอาทิตย์ละ 3 ครั้ง ※คลาสระดับอะอิอุเอะโอะนั้นจะเริ่มวันจันทร์ที่ 21 กุมภาพันธ์

2022 February						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 March						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【กลางวัน】

คลาส	ระดับ	รูปแบบการเรียน	เวลาเรียน	
A	เบื้องต้น 1	เรียนที่ห้องเรียน	10:00~12:00	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)
B	เบื้องต้น 2	เรียนที่ห้องเรียน	12:30~14:30	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)
C	เบื้องต้น 3	เรียนที่ห้องเรียน	15:00~17:00	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)
D	อะ อิ อุ เอะ โอะ	เรียนที่ห้องเรียน	10:00~12:00	(2 ชั่วโมง×15 ครั้ง)
E	เบื้องต้น 1	เรียนออนไลน์	10:00~12:00	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)
F	เบื้องต้น 2	เรียนออนไลน์	12:30~14:30	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)
G	เบื้องต้น 3	เรียนออนไลน์	15:00~17:00	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)

【กลางคืน】

I	เบื้องต้น 2	เรียนที่ห้องเรียน	18:30~20:30	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)
R	เบื้องต้น 3	เรียนที่ห้องเรียน	18:30~20:30	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)
K	เบื้องต้น 1	เรียนออนไลน์	18:30~20:30	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)
L	เบื้องต้น 2	เรียนออนไลน์	18:30~20:30	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)
M	เบื้องต้น 3	เรียนออนไลน์	18:30~20:30	(2 ชั่วโมง×22 ครั้ง)

3. ระดับคลาส

ระดับ	ระดับภาษาญี่ปุ่นของผู้เรียน
อะอิอุเอะโอะ	อ่านฮิระงานะ, คะตะคะนะไม่ได้ เป็นคลาสที่เตรียมตัวเพื่อเข้าเรียนคลาสเบื้องต้น 1
เบื้องต้น 1	พูดภาษาญี่ปุ่นแทบไม่ได้เลย
เบื้องต้น 2	ถ้าผู้ที่สนทนาด้วยพูดช้า พูดชัด และให้ความช่วยเหลือ ก็สามารถตอบโต้ได้อย่างง่ายดายได้
เบื้องต้น 3	สามารถอธิบายเรื่องเกี่ยวกับตัวเองหรือเรื่องใกล้ตัวได้ด้วยคำศัพท์ง่ายๆ

4. คุณสมบัติ

สำหรับผู้ที่มีอายุ 15 ปีขึ้นไปที่ต้องการเรียนภาษาญี่ปุ่น

5. จำกัดจำนวนผู้เรียน

เฉพาะคลาสออนไลน์ จำกัดจำนวนผู้เรียนประมาณ 7 คน

6. สถานที่เรียน

【เรียนที่ห้องเรียน】

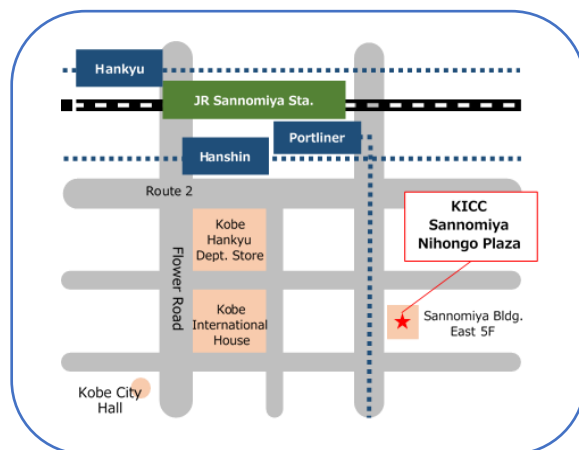
KICC Sannomiya Nihongo Plaza

KOBESHI CHUO-KU GOKOUDOURI 6-1-

SANNOMIYA BUILDING HIGASHIKAN 5F.

【คลาสเรียนออนไลน์】

เรียนโดยการใช้โปรแกรม Zoom Meeting



7. ค่าเรียน • ค่าหนังสือ

ไม่มีค่าใช้จ่าย (หนังสือที่ใช้คือ 『まるごと』)

8. วิธีสมัคร • วันปิดรับสมัคร

หมดเขต: วันพฤหัสบดีที่ 27 มกราคม

กรุณาส่งอีเมลที่ระบุ ①~⑩ตามด้านล่างนี้ (Email: nihongo@kicc.jp)

หากเกินจากวันที่รับสมัคร กรุณาสอบถามที่ผู้รับผิดชอบ

【คลาสA/E/K】



【คลาสB/F/L/I】



【คลาสC/G/M/R】



① คลาสเรียนที่ต้องการเรียน (เลือก 1 คลาสจาก A~R)

② ชื่อ

③ หมายเลขนักเรียน (กรุณาเขียนหมายเลขนักเรียนเฉพาะผู้ที่มีเลขนักเรียนเท่านั้น)

④ สัญชาติ

⑤ ที่อยู่ (ผู้ที่อยู่แมนชั่น กรุณาระบุเลขห้องด้วย)

⑥ เบอร์โทรศัพท์

⑦ ที่อยู่อีเมล

⑧ ภาษาที่ใช้

(ต้องการให้มีเอกสารอธิบายเป็นภาษาอะไรในคลาส)

(เลือก 1 ภาษา a~m จากทางด้านขวามือ)

⑨ ปริมาณอินเทอร์เน็ตที่ใช้ (ปริมาณอินเทอร์เน็ตไม่จำกัด, 50GB/M ขึ้นๆ.)

⑩ ประเภทอุปกรณ์ที่ใช้เรียน (โทรศัพท์, PC, แท็บเล็ต ขึ้นๆ.)

⑧

a ภาษาอังกฤษ

b ภาษาจีน

c ภาษาเกาหลี

d ภาษาอินโดนีเซีย

e ภาษาไทย

f ภาษาเวียดนาม

g ภาษาสเปน

h ภาษาเนปาล

k ภาษาตากาล็อก

l ภาษาโปรตุเกส

m อื่นๆ

※ คลาสเรียนออนไลน์ ต้องใช้อินเทอร์เน็ตปริมาณมาก เช่น โปรแกรม Zoom 2 ชั่วโมงจะใช้ 1.2GB

หากทำสัญญาแพคเกจอินเทอร์เน็ตไว้ปริมาณไม่มาก อาจทำให้ต้องเสียค่าใช้จ่ายเพิ่มเติมได้





1. Apa sih Kelas Dasar Bahasa Jepang itu?

Kelas Bahasa Jepang dengan Kesempatan belajar dengan Guru professional.

Kelas Dasar 1, 2 dan 3 adalah kelas percakapan.

2. Jadwal Kelas: Ada kelas di hari bertanda ☆, seminggu tiga kali.

※Kelas AIUEO dimulai dari 21 Februari (Senin).

2022 2 Februari						
Sen	Sel	Rab	Kam	Jum	Sab	Ming
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 3 Maret						
Sen	Sel	Rab	Kam	Jum	Sab	Ming
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【Siang】

Kelas	Level	Bentuk kelas	Jam Kelas	
A	Dasar 1	Tatap muka	10:00~12:00	(2Jam×22kali)
B	Dasar 2	Tatap muka	12:30~14:30	(2Jam×22kali)
C	Dasar 3	Tatap muka	15:00~17:00	(2Jam×22kali)
D	AIUEO	Tatap muka	10:00~12:00	(2Jam×15kali)
E	Dasar 1	Online	10:00~12:00	(2Jam×22kali)
F	Dasar 2	Online	12:30~14:30	(2Jam×22kali)
G	Dasar 3	Online	15:00~17:00	(2Jam×22kali)

【Malam】

I	Dasar 2	Tatap muka	18:30~20:30	(2Jam×22kali)
R	Dasar 3	Tatap muka	18:30~20:30	(2Jam×22kali)
K	Dasar 1	Online	18:30~20:30	(2Jam×22kali)
L	Dasar 2	Online	18:30~20:30	(2Jam×22kali)
M	Dasar 3	Online	18:30~20:30	(2Jam×22kali)

3. Mengenai Level

Level	Bagi yang memiliki tingkat bahasa Jepang seperti berikut ini
AIUEO	Tidak dapat membaca Hiragana dan Katakana. Kelas untuk persiapan sebelum masuk ke Kelas Dasar 1.
Dasar 1	Tidak dapat berbahasa Jepang.
Dasar 2	Dapat berkomunikasi mengenai hal yang mudah jika lawan bicara berbicara dengan pelan, jelas dan berusaha membantu.
Dasar 3	Dapat menjelaskan tentang latar belakang diri dan hal-hal di sekitar dengan kosa kata yang mudah.



1. Apa sih Kelas Dasar Bahasa Jepang itu?

Kelas Bahasa Jepang dengan Kesempatan belajar dengan Guru professional.

Kelas Dasar 1, 2 dan 3 adalah kelas percakapan.

2. Jadwal Kelas: Ada kelas di hari bertanda ☆, seminggu tiga kali.

※Kelas AIUEO dimulai dari 21 Februari (Senin).

2022 2 Februari						
Sen	Sel	Rab	Kam	Jum	Sab	Ming
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 3 Maret						
Sen	Sel	Rab	Kam	Jum	Sab	Ming
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【Siang】

Kelas	Level	Bentuk kelas	Jam Kelas	
A	Dasar 1	Tatap muka	10:00~12:00	(2Jam×22kali)
B	Dasar 2	Tatap muka	12:30~14:30	(2Jam×22kali)
C	Dasar 3	Tatap muka	15:00~17:00	(2Jam×22kali)
D	AIUEO	Tatap muka	10:00~12:00	(2Jam×15kali)
E	Dasar 1	Online	10:00~12:00	(2Jam×22kali)
F	Dasar 2	Online	12:30~14:30	(2Jam×22kali)
G	Dasar 3	Online	15:00~17:00	(2Jam×22kali)

【Malam】

I	Dasar 2	Tatap muka	18:30~20:30	(2Jam×22kali)
R	Dasar 3	Tatap muka	18:30~20:30	(2Jam×22kali)
K	Dasar 1	Online	18:30~20:30	(2Jam×22kali)
L	Dasar 2	Online	18:30~20:30	(2Jam×22kali)
M	Dasar 3	Online	18:30~20:30	(2Jam×22kali)

3. Mengenai Level

Level	Bagi yang memiliki tingkat bahasa Jepang seperti berikut ini
AIUEO	Tidak dapat membaca Hiragana dan Katakana. Kelas untuk persiapan sebelum masuk ke Kelas Dasar 1.
Dasar 1	Tidak dapat berbahasa Jepang.
Dasar 2	Dapat berkomunikasi mengenai hal yang mudah jika lawan bicara berbicara dengan pelan, jelas dan berusaha membantu.
Dasar 3	Dapat menjelaskan tentang latar belakang diri dan hal-hal di sekitar dengan kosa kata yang mudah.

Sannomiya
Nihongo PlazaClase de Febrero de Conversación
en Japonés para principiantes

1. ¿Cómo son estas clases?

Podrá aprender japonés a un nivel básico con profesores licenciados. Los niveles de japonés básico 1, 2 y 3 ofrecen oportunidades de conversación a los estudiantes.

2. Fecha de las clases

Los días de clase están marcados con una estrella ☆. Tres clases por semana.

※ La lección “A-I-U-E-O” (Introducción) será impartida a partir del 21 de Febrero.

2022 February						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 March						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【Día】

Código	Nivel	Tipo	Duración	
A	Principiante 1	Presencial	10:00~12:00	(2 horas × 22 clases)
B	Principiante 2	Presencial	12:30~14:30	(2 horas × 22 clases)
C	Principiante 3	Presencial	15:00~17:00	(2 horas × 22 clases)
D	“A-I-U-E-O” (Introducción)	Presencial	10:00~12:00	(2 horas × 15 clases)
E	Principiante 1	Online	10:00~12:00	(2 horas × 22 clases)
F	Principiante 2	Online	12:30~14:30	(2 horas × 22 clases)
G	Principiante 3	Online	15:00~17:00	(2 horas × 22 clases)

【Noche】

I	Principiante 2	Presencial	18:30~20:30	(2 horas × 22 clases)
R	Principiante 3	Presencial	18:30~20:30	(2 horas × 22 clases)
K	Principiante 1	Online	18:30~20:30	(2 horas × 22 clases)
L	Principiante 2	Online	18:30~20:30	(2 horas × 22 clases)
M	Principiante 3	Online	18:30~20:30	(2 horas × 22 clases)

3. Nivel de las clases

Nivel	Lista de habilidades esperadas de acuerdo a su nivel de japonés.
“A-I-U-E-O”(Introducción)	No puedes leer hiragana o katakana. Preparación para la clase “Principiante 1”.
Principiante 1	Hablas solamente un poco de japonés (palabras y frases simples).
Principiante 2	Puedes tener conversaciones simples cuando te hablan lenta y claramente.
Principiante 3	Puedes hablar de ti mismo usando japonés simple.

4. ¿Quiénes pueden aplicar?

Cualquier persona mayor de 15 años.

5. Número de participantes

Solamente hay un límite de participantes para las clases online (7 personas aproximadamente).

6. Ubicación

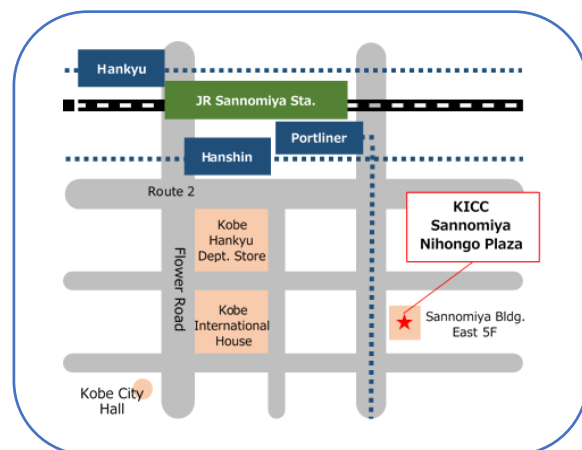
【Clases presenciales】

KICC Sannomiya Nihongo Plaza

Sannomiya Building East 5F 6-1-12 Miyuki-dori, Chuo-ku, Kobe

【Clases online】

Usando la aplicación Zoom.



7. Tasas (incluyendo libros de texto)

Gratis

(Usaremos el libro de texto “Marugoto”)

【Clase A/E/K】

【Clase B/F/I/L】

【Clase C/G/M/R】



8. Cómo inscribirse / Fecha límite

Fecha límite de inscripción: Jueves 27 de Enero

Envíenos la siguiente información ①~⑩ por correo electrónico (Email: nihongo@kicc.jp)

Para inscripciones una vez pasada la fecha límite contacte con nosotros.

① Código de clase (Escoja su nivel de A a R en el reverso de la hoja)

② Nombre

③ Número de estudiante

(Sólo aquellas personas que lo tengan)

④ Nacionalidad

⑤ Dirección (incluyendo nº de habitación)

⑥ Número de teléfono

⑦ Correo electrónico

⑧ Idioma disponible

(Escoja un idioma de “a” a “m” en la lista de la derecha.

Le prepararemos una hoja escrita en su idioma preferido)

⑨ Plan de datos

(Ilimitado, 50 gigas/mes, etc.)

⑩ Aparato que empleará

(teléfono móvil, PC, tableta, etc.)

⑧

a: Inglés

b: Chino

c: Coreano

d: Indonesio

e: Tailandés

f: Vietnamita

g: Español

h: Nepalí

k: Filipino

l: Portugués

m: Otros



※Las clases online requieren una gran cantidad de datos móviles. Por ejemplo,

Zoom usa generalmente 1.2GB en 2 horas de reuniones online. Si tiene un plan con datos limitados, es posible que incurra en tarifas adicionales.



၁- အခြေခံဂျပန်စကားသင်တန်းဆိုသည်မှာ

ကျွမ်းကျင်အဆင့်ဆရာဆရာမများမှသင်ကြားပေးသောအခြေခံဂျပန်စကားသင်တန်းဖြစ်သည်။ အခြေခံအဆင့် ၁၊ ၂၊ ၃ သည် စကားပြောသင်တန်းဖြစ်သည်။

၂- သင်ကြားမည့်နေ့ရက်များ

☆ပြထားသောနေ့များတွင်သင်တန်းရှိပါသည်။ တစ်ပတ် ၃ ကြိမ်ရှိပါသည်။ အ အိ အု အဲ အိုအဆင့်သည် ၂/၂၁၊တနင်္လာနေ့မှစတင်ပါမည်။

2022 February						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 March						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【နေ့လည်ပိုင်း】

အတန်း	အဆင့်	သင်မည့်ပုံစံ	စာသင်ချိန်	
A	အခြေခံအဆင့် ၁	တစ်ဦးချင်းစီ	10:00~12:00	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)
B	အခြေခံအဆင့် ၂	တစ်ဦးချင်းစီ	12:30~14:30	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)
C	အခြေခံအဆင့် ၃	တစ်ဦးချင်းစီ	15:00~17:00	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)
D	အအိအုအဲအို	တစ်ဦးချင်းစီ	10:00~12:00	(2 နာရီ × 15ကြိမ်)
E	အခြေခံအဆင့် ၁	အွန်လိုင်းမှ	10:00~12:00	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)
F	အခြေခံအဆင့် ၂	အွန်လိုင်းမှ	12:30~14:30	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)
G	အခြေခံအဆင့် ၃	အွန်လိုင်းမှ	15:00~17:00	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)

【ညနေပိုင်း】

I	အခြေခံအဆင့် ၂	တစ်ဦးချင်းစီ	18:30~20:30	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)
R	အခြေခံအဆင့် ၃	တစ်ဦးချင်းစီ	18:30~20:30	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)
K	အခြေခံအဆင့် ၁	အွန်လိုင်းမှ	18:30~20:30	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)
L	အခြေခံအဆင့် ၂	အွန်လိုင်းမှ	18:30~20:30	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)
M	အခြေခံအဆင့် ၃	အွန်လိုင်းမှ	18:30~20:30	(2 နာရီ × 22ကြိမ်)

၃-အဆင့်အလိုက်သင်ကြားပုံ

အဆင့်	အောက်ပါဂျပန်စာအဆင့်ရှိသူများအားအဓိကသင်ကြားပေးပါသည်
အအိအုအဲအို	ဟိရဂနာ၊ ခတခန မဖတ်နိုင်သူ။ အခြေခံအဆင့်သင်တန်းမစမှီပြင်ဆင်သင့်သောအတန်း။
အခြေခံအဆင့် ၁	ဂျပန်စကားမပြောနိုင်သူများအဆင့်။
အခြေခံအဆင့် ၂	ပြောသူမှ ဖြေးညှင်းစွာ သေချာစွာပြောပြီးကူညီပါက လွယ်ကူစွာ နားလည်နိုင်သောအဆင့်
အခြေခံအဆင့် ၃	မိမိအကြောင်းကျင်လည်ရာပတ်ဝန်းကျင်နှင့်ပတ်သက်၍လွယ်ကူသောစကားလုံးများနှင့်ရှင်းပြနိုင်သောအဆင့်။

၄-ရည်မှန်းချက်

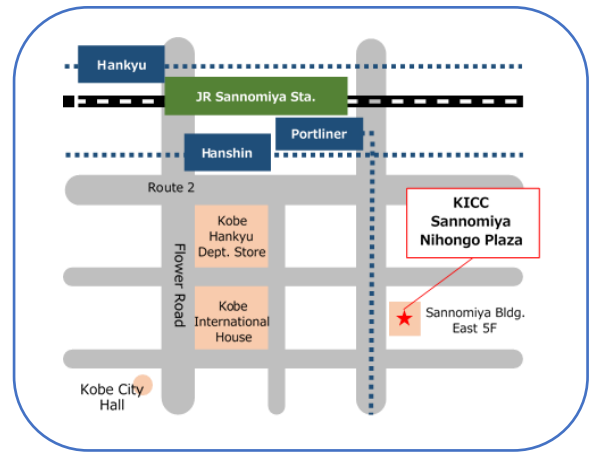
အသက် ၁၅နှစ်အထက် ဂျပန်စာသင်ကြားချင်သူများ

၅-လူဦးရေကန့်သတ်ချက်

On line class အတွက် ၇ဦးသာရပါတော့မည်။

၆-နေရာ

တစ်ချင်းစီသင်ကြားမည်သင်တန်းအတွက်
KICC Sannomiya Nihongo Plaza
6-1-12 Gokodori, Chuo-ku, Kobe, 5th floor,
East Building, Sannomiya Building



၇-သင်တန်းကြေး ကျောင်းသုံးစာအုပ်ဖိုး

အခမဲ့
(ကျောင်းသုံးစာအုပ်ကိုညာဘက်တွင်ဖော်
ပြထားသော 'ま る こ と' ကိုအသုံးပြုပါမည်။)

【A/E/K အတန်း】



【B/F/L/I အတန်း】



【C/G/M/R အတန်း】



၈-လျှောက်ထားပုံ-လျှောက်လွှာပိတ်သည့်နေ့

ဗုဒ္ဓဟူးနေ့၊ ဇန်နဝါရီ ၇ နောက်ဆုံးထား၍ အီးမေးလ်မှတစ်ဆင့်(၁ ~ ၁၀)အထိကိုပေးပို့နိုင်သည်။

Email: nihongo@kicc.jp

လျှောက်လွှာပိတ်ရန်နောက်ပိုင်းလျှောက်ထားလိုပါက တာဝန်ခံများကို ဆက်သွယ်မေးမြန်းနိုင် ပါသည်။

- ၁။ တက်ရောက်ချင်သော သင်တန်း
(ဤကြော်ငြာစာရွက်ရှေ့စာမျက်နှာရှိ A ~ R ရှိ နှစ်သက်ရာ ၁ခု ကိုရွေးချယ်ပါ။)
- ၂။ အမည်
- ၃။ ကျောင်းသားအမှတ်
ကျောင်းသားနံပါတ်ရှိသူများသာရေးပေးပါ
(ယခင်တက်ရောက်ဖူးသူများသာနံပါတ်ရှိပါမည်)
- ၄။ နိုင်ငံသား
- ၅။ နေရပ်လိပ်စာ
(တိုက်ခန်းနေသူများအခန်းနံပါတ်ရေးပေးပါ)
- ၆။ ဖုန်းနံပါတ်
- ၇။ အီးမေးလိပ်စာ
- ၈။ အသုံးပြုနိုင်သော ဘာသာစကားများ
(သင်တန်းနှင့်ပတ်သတ်၍ ရှင်းပြသည့်စာရွက်
စာတမ်းများအတွက်ညာဘက်ရှိသော a ~ m ထဲမှ တစ်ခုကိုရွေးချယ်ပေးပါ)
- ၉။ အသုံးပြုရမည့်အင်တာနက်ဒေတာပမာဏ (စိတ်ကြိုက်သုံး 50GB/M စသည့်)
- ၁၀။ အသုံးပြုမည့်ဆက်သွယ်ရေးပစ္စည်းအမျိုးအစား (ဖုန်း၊ ကွန်ပျူတာ၊ Tablet စသည့်)

- ၈။ (a) အင်္ဂလိပ်စကား
- (b) တရုတ်စကား
- (c) ကိုးရီးယားစကား
- (d) အင်ဒိုနီးရှားစကား
- (e) ထိုင်းစကား
- (f) ဗီယက်နမ်စကား
- (g) စပိန်စကား
- (h) နီပေါစကား
- (k) ဖိလစ်ပိုင်စကား
- (l) ပေါ်တူဂီစကား
- (m) အခြား

*အွန်လိုင်းမှသင်ကြားသူများသည်ဒေတာပမာဏများစွာအသုံးပြုရပါမည်။

Zoomသည် ၂နာရီကို ၁၂ GBအသုံးပြုပါသည်။ ဒေတာပမာဏနဲ့ဖြင့်စာချုပ်ထားသူများတွင်အပိုကြေးဆောင်ရခြင်းများဖြစ်နိုင်ပါသည်။





१. स्योक्यु निहोनगो कुराशु भनेको ?

प्रो. जापानिज शिक्षकबाट पढाईने, जापानिज कक्षाको सामान्य शुरुवातीको कक्षा हो। यो (स्योक्यु) कक्षा १, २, ३ चाहे कुराकानी गर्ने कक्षा हो।

२. कक्षा हुने मिति

☆ भएको दिन कक्षा हुनेछ। हप्ताको ३ पटक।※ आ ई उ ए ओ लेभलको कक्षा चाँहि २/२१ (सोम) बाट हुनेछ।

2022 February						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21 ☆	22	23	24	25 ☆	26	27
28 ☆						

2022 March						
Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2 ☆	3	4 ☆	5	6
7 ☆	8	9 ☆	10	11 ☆	12	13
14 ☆	15	16 ☆	17	18 ☆	19	20
21	22	23 ☆	24	25 ☆	26	27
28 ☆	29	30 ☆	31			

【दिउसो】

कक्षा	Level	माध्यम	कक्षा हुने समय	
A	स्योक्यु १	Face-to-face	१०:००~१२:००	(२ घण्टा × २२ पल्ट)
B	स्योक्यु २	Face-to-face	१२:३०~१४:३०	(२ घण्टा × २२ पल्ट)
C	स्योक्यु ३	Face-to-face	१५:००~१७:००	(२ घण्टा × २२ पल्ट)
D	आ ई उ ए ओ	Face-to-face	१०:००~१२:००	(२ घण्टा × १५ पल्ट)
E	स्योक्यु १	Online	१०:००~१२:००	(२ घण्टा × २२ पल्ट)
F	स्योक्यु २	Online	१२:३०~१४:३०	(२ घण्टा × २२ पल्ट)
G	स्योक्यु ३	Online	१५:००~१७:००	(२ घण्टा × २२ पल्ट)

【राति】

I	स्योक्यु २	Face-to-face	१८:३०~२०:३०	(२ घण्टा × २२ पल्ट)
R	स्योक्यु ३	Face-to-face	१८:३०~२०:३०	(२ घण्टा × २२ पल्ट)
K	स्योक्यु १	Online	१८:३०~२०:३०	(२ घण्टा × २२ पल्ट)
L	स्योक्यु २	Online	१८:३०~२०:३०	(२ घण्टा × २२ पल्ट)
M	स्योक्यु ३	Online	१८:३०~२०:३०	(२ घण्टा × २२ पल्ट)

३. Level को बारेमा

Level	निम्न जापानिज स्तर भएको व्यक्तिलाई लक्षित
あいうえお	हिरागाना, काताकाना पढ्न नसक्ने। स्योक्यु। कक्षामा प्रवेश गर्नु अघिको तयारी कक्षा
स्योक्यु १	जापानिज भाषा बोल्न नसक्ने।
स्योक्यु २	यदि अन्य व्यक्तिले बिस्तारै र स्पष्ट बोली मद्दत गर्दछ भने, सामान्य बोलीचाली गर्न सक्ने।
स्योक्यु ३	आफ्नो पृष्ठभूमि र आफू वरपर रहेको केहि कुराको बारेमा सरल भाषामा व्याख्या गर्न सक्ने।

4. लक्षित व्यक्ति

१५ वर्ष भन्दा माथिको, जापानिज भाषा अध्ययन गर्न चाहने व्यक्ति

5. क्षमता अनलाइन कक्षाको लागि मात्र (करिब ७ जना)

6. स्थान

【Face-to-face class】

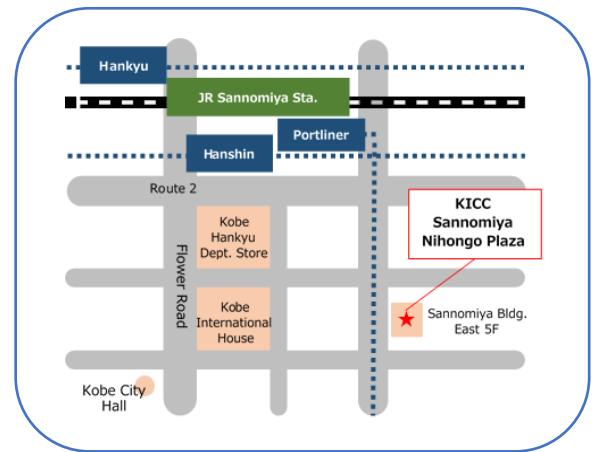
KICC Sannomiya Nihongo Plaza

神戸市中央区御幸通 6 丁目 1 番 12 号三宮ビル東館 5 階

(कोवे सि च्यूओ कु मियुकिदोओरि 6-1-12 सान्नोमिया बिरु हिगासिखान 5 खाई)

【Online class】

Zoom को प्रयोग



7. शिक्षण शुल्क / पाठ्यपुस्तक शुल्क

निःशुल्क

(पाठ्यपुस्तक चाहिँ 『まるごと』 प्रयोग गरिनेछ)

【A/E/K कक्षा】



【B/F/I/L कक्षा】



【C/G/M/R कक्षा】



8. आवेदन विधि / समय सीमा

म्याद: बिहीवार, जनवरी 27

कृपया ① ~ ⑩ इ-मेल मार्फत पठाउनुहोस्। (Email: nihongo@kicc.jp)

समयसीमा पछि आवेदनको लागि, सम्बन्धित व्यक्ति (ओगाता खामिगासो) लाई सम्पर्क गर्नुहोला।

① अध्ययन गर्न चाहेको कक्षा

(पानाको माथि उल्लेखित, A~R बाट कुनै एक)

② नाम

③ विद्यार्थी नं. (यदि तपाईंसँग शिक्षार्थी नम्बर छ भने मात्र लेख्नुहोस्)

④ राष्ट्र/ देश

⑤ ठेगाना (अपार्टमेन्टको व्यक्तिहरूले कोठा नं. पनि लेख्नुहोस्।)

⑥ टेलिफोन नं.

⑦ ईमेल ठेगाना

⑧ बोल्न, बुझ्न सक्ने भाषा

(कक्षाको बारेमा कुन भाषामा भएको चाहनुहुन्छ।)

(सँगैको कोठाको a~m बाट कुनै एक)

⑨ डाटा बारे (असीमित, 50GB/M etc.)

⑩ साधनको प्रकार (मोबाईल, PC, ट्याब्लेट आदि)

⑧

- a अंग्रेजी
- b चाईनिज
- c कोरियन
- d इन्डोनेसिया
- e थाई
- f भेतनाम
- g स्पेनिश
- h नेपाली
- k फिलिपिन्स
- l पोर्चुगल
- m अन्य

※ अनलाइन शिक्षा / कक्षा को लागि, ठूलो मात्रामा डाटाको प्रयोग हुदछ। ZOOM बाट 2 घण्टामा 1.2GB प्रयोग हुन्छ।

थोरै डाटा लिनुभएको छ भने, तपाईंलाई अतिरिक्त शुल्क लाग्नेछ।

